

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TƯ PHÁP



SỔ TAY NGHIỆP VỤ
XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Tái bản, có sửa đổi, bổ sung)

Bắc Giang, năm 2018

LỜI NÓI ĐẦU

Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) nói chung, xử phạt vi phạm hành chính (XPVPHC) nói riêng là công cụ quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước nhằm duy trì trật tự, kỷ cương trong quản lý hành chính của Nhà nước. Đây cũng là một vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày của nhân dân, của tổ chức và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đã được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội hết sức quan tâm. Luật XLVPHC được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2012 đã đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về XLVPHC nói riêng, hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, đồng thời khẳng định một bước phát triển mới về cơ chế pháp lý bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, duy trì trật tự, kỷ cương trong quản lý hành chính nhà nước ở nước ta phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Nhằm tiếp tục đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, tuyên truyền, tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật XLVPHC hiện nay và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, phòng Tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã, Cán bộ pháp chế, Báo cáo viên pháp luật, Công chức Tư pháp - Hộ tịch, cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở cuốn “Sổ tay nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính” đã được Sở Tư pháp biên soạn và phát hành năm 2016; căn cứ vào một số nội dung về XLVPHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC (Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và một số nghị định XPVPHC theo ngành, lĩnh vực, Sở Tư pháp Bắc Giang tiếp tục tái bản có sửa đổi, bổ sung cuốn “Sổ tay nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính”.

Hi vọng rằng, cuốn “Sổ tay nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính” tái bản có sửa đổi, bổ sung sẽ giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác xử lý vi phạm hành chính và toàn thể độc giả tiếp tục cập nhật thêm kiến thức về các quy định trong lĩnh vực XLVPHC để áp dụng, góp phần nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác này; giúp công tác XLVPHC trên địa bàn tỉnh ngày càng được bảo đảm về chất lượng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Vi phạm hành chính

1.1. Khái niệm

Theo khoản 1 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC), vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

1.2. Các dấu hiệu cơ bản

- Một là, tính nguy hiểm cho xã hội: Hành vi vi phạm hành chính có tính nguy hiểm cho xã hội và tính nguy hiểm cho xã hội được coi là dấu hiệu nội dung của vi phạm hành chính.

- Hai là, tính trái pháp luật hành chính: Vi phạm hành chính là hành vi xâm phạm trật tự quản lý nhà nước. Tính trái pháp luật hành chính thể hiện ở chỗ hành vi vi phạm được xác định là hành vi vi phạm pháp luật hành chính phải bị xử phạt và được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật. Tính trái pháp luật hành chính được coi là dấu hiệu hình thức của vi phạm hành chính.

- Ba là, tính có lỗi: Vi phạm hành chính là hành vi được thực hiện bởi lỗi vô ý hoặc cố ý của chủ thể vi phạm hành chính.

- Bốn là, chủ thể của vi phạm hành chính: Chủ thể của vi phạm hành chính là cá nhân, tổ chức có năng lực chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật.

Bốn dấu hiệu cơ bản trên đây là cơ sở để phân biệt vi phạm hành chính với các dạng vi phạm pháp luật khác.

1.3. Các trường hợp vi phạm hành chính

- Vi phạm hành chính lần đầu là vi phạm trước đó chưa có vi phạm hoặc có vi phạm đã bị xử lý mà sau khi thi hành xong quyết định xử lý được coi là chưa bị xử lý hoặc đã hết thời hiệu xử lý;

- Vi phạm hành chính nhiều lần là trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà trước đó đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính này nhưng chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử lý;

- Vi phạm hành chính có tổ chức là trường hợp cá nhân, tổ chức cấu kết với cá nhân, tổ chức khác để cùng thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

- Tái phạm là việc cá nhân, tổ chức đã bị xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành các quyết định này mà lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính đã bị xử lý.

2. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định

- Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử lý một lần. Nghĩa là một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Nếu đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định mà người vi phạm không tuân mệnh lệnh, yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định xử lý, cố tình vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt áp dụng biện pháp ngăn chặn. Khi ra quyết định xử phạt có thể áp dụng tình tiết tăng nặng hay xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt.

Quyết định xử phạt một lần đối với hành vi vi phạm hành chính có ý nghĩa nhằm ngăn ngừa sự lạm dụng trong việc xử phạt, đồng thời bảo đảm việc xử phạt đúng người, đúng hành vi vi phạm.

- Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm hành chính đó. Ví dụ có 5 người thực hiện một hành vi gây rối trật tự công cộng thì cả 5 người đều bị xử phạt về hành vi đó. Tuy nhiên khi ra quyết định thì còn phải căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của mỗi người. Việc ra quyết định có thể bằng một quyết định hoặc từng quyết định cho mỗi người. Nhưng mức xử phạt thì phải quyết định cho từng người.

- Trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nếu quyết định xử lý trong cùng một lần thì ra một quyết định, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm.

3. Căn cứ xử phạt vi phạm hành chính

Để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải dựa vào các căn cứ sau đây:

- Tính chất, mức độ và hậu quả của vi phạm: thể hiện qua khách thể bị xâm hại; phương tiện, công cụ vi phạm, mục đích, động cơ, lỗi của người vi phạm; hậu quả do vi phạm gây ra.

- Đối tượng (chủ thể) vi phạm: thể hiện ở năng lực chịu trách nhiệm (độ tuổi, tâm thần), trình độ văn hóa, tính cách, môi trường sống, nhân thân tốt hay xấu (có tiền án, tiền sự, vi phạm hành chính hay chưa)... Chủ thể sau đây nếu vi phạm hành chính thì bị xử phạt:

+ Người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm hành chính do lỗi cố ý, người đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính đối với mọi vi phạm hành chính.

+ Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với các công dân khác; trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn liên quan đến quốc phòng, an ninh thì người xử phạt đề nghị cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền xử lý.

+ Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính khi có đủ các điều kiện: là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật; hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành phân công, chấp thuận của tổ chức và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính (được quy định cụ thể tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước).

+ Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Những trường hợp có hành vi vi phạm hành chính nhưng không bị xử lý hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan gồm:

+ Người dưới 14 tuổi;

+ Người mắc bệnh tâm thần hoặc đang mắc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

+ Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan;

+ Cán bộ công chức, viên chức khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Những trường hợp được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, gồm: cá nhân, tổ chức trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày đã chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm.

- Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Những tình tiết này được quy định trong Luật XLVPHC. Tình tiết tăng nặng chỉ được áp dụng là những tình tiết tăng nặng quy định trong luật. Tình tiết giảm nhẹ có thể được áp dụng những tình tiết khác ngoài những tình tiết quy định trong luật mà có lợi cho người vi phạm.

4. Thời hiệu, thời điểm để tính thời hiệu xử lý vi phạm hành chính

4.1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là khoảng thời gian để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xử phạt đối với cá nhân, tổ chức có

hành vi vi phạm pháp luật hành chính, kể từ khi phát hiện - chấm dứt hành vi vi phạm đó.

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm; vi phạm hành chính về kế toán; thủ tục thuế; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hải sản; quản lý rừng, lâm sản; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

4.2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính bao gồm thời điểm hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc; thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt; thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

Đối với hành vi vi phạm đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Trường hợp người vi phạm trốn tránh hoặc cản trở việc xử phạt thì thời hiệu được tính lại từ thời điểm hành vi trốn tránh, cản trở đó chấm dứt.

5. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng khi áp dụng quyết định xử phạt hành chính

5.1. Tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 9 Luật XLVPHC gồm:

- Người vi phạm hành chính đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

- Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính;

- Vi phạm hành chính trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

- Vi phạm hành chính do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

- Người vi phạm hành chính là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

- Vi phạm hành chính vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;

- Vi phạm hành chính do trình độ lạc hậu;

- Những tình tiết giảm nhẹ khác do Chính phủ quy định tại các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính.

5.2. Những tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 10, Luật XLVPHC gồm:

- Vi phạm hành chính có tổ chức;
- Vi phạm hành chính nhiều lần; tái phạm;
- Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi vi phạm hành chính;
- Sử dụng người biết rõ là đang bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi để vi phạm hành chính;
- Lãng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; vi phạm hành chính có tính chất côn đồ;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hành chính;
- Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm hành chính;
- Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính;
- Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó;
- Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính;
- Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn;
- Vi phạm hành chính đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

Tình tiết tăng nặng đã được quy định là hành vi vi phạm hành chính thì không được coi là tình tiết tăng nặng (Ví dụ tình tiết tái phạm được coi là hành vi vi phạm hành chính ở một số nghị định quy định về xử phạt hành chính đối với lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành thì khi xử phạt đối với hành vi này tái phạm không được coi là tình tiết tăng nặng nữa). Chỉ những tình tiết quy định trong luật mới coi là tình tiết tăng nặng. Chính phủ không được quy định tình tiết tăng nặng trong các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính.

6. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính

- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết;
- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do phòng vệ chính đáng;
- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất ngờ;
- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất khả kháng;
- Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật XLVPHC.

7. Những hành vi bị nghiêm cấm trong xử phạt vi phạm hành chính

Theo quy định tại Điều 12 Luật XLVPHC những hành vi sau đây bị nghiêm cấm trong xử lý vi phạm hành chính:

- Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính.
- Không xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng quy định tại Luật XLVPHC.
- Áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính.
- Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính.
- Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- Sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị xử phạt vi phạm hành chính, người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.
- Chống đối, trốn tránh, trì hoãn hoặc cản trở chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

8. Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và UBND các cấp

8.1. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm sau đây:

- Trong quá trình xử lý vi phạm hành chính phải tuân thủ những quy định của Luật XLVPHC và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Không được sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản khác của người vi phạm, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng tính

chất, mức độ vi phạm, không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm quy định về những hành vi nghiêm cấm quy định tại Luật XLVPHC và các luật khác. Nếu vi phạm những nội dung này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hành sự.

8.2. UBND các cấp có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính ở địa phương, gồm:

+ Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo đơn đốc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

+ Tổ chức tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

+ Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về xử lý vi phạm hành chính;

+ Thống kê, báo cáo tình hình xử lý vi phạm hành chính;

+ Sơ kết, tổng kết, khen thưởng về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

- Kịp thời cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về xử lý vi phạm hành chính để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

Chương II

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Hình thức, nguyên tắc áp dụng, thẩm quyền, mức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả

1.1. Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng

1.1.1. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính là thể hiện sự răn đe, trừng phạt của pháp luật đối với những cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước, thông qua đó buộc người vi phạm phải gánh chịu những hậu quả bất lợi về vật chất, tinh thần. Ngoài mục đích răn đe, trừng phạt các quy định này còn nhằm mục đích giáo dục đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt, góp phần nâng cao ý thức của công dân trong việc chấp hành pháp luật và các quy tắc quản lý nhà nước.

Điều 21 Luật XLVPHC quy định 5 hình thức xử phạt vi phạm hành chính sau đây:

- Cảnh cáo;

- Phạt tiền;

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính);

- Trục xuất.

Nhằm bảo đảm hình thức xử phạt được quy định và áp dụng phù hợp với tính chất, mức độ của mỗi hành vi vi phạm Luật XLVPHC quy định nguyên tắc áp dụng linh hoạt, mềm dẻo:

- Hình thức xử phạt cảnh cáo và phạt tiền chỉ được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính.

- Hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật có thể vừa là hình thức xử phạt chính, vừa là hình thức xử phạt bổ sung.

- Hình thức xử phạt trục xuất có thể được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc bổ sung.

Từ những quy định này cho thấy Chính phủ có thể lựa chọn nhiều hình thức xử phạt khác nhau để quy định hình thức xử phạt chính trong các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính hoặc các hình thức xử phạt bổ sung.

1.1.2. Áp dụng hình thức xử phạt theo nguyên tắc sau đây

- Đối với hình thức xử phạt vừa có thể là hình thức xử phạt chính, vừa có thể là hình thức xử phạt bổ sung phải được chính phủ quy định tại các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính. Nếu không quy định thì ngoài các hình thức xử phạt cảnh cáo, phạt tiền là hình thức xử phạt chính, các hình thức xử phạt khác là hình thức xử phạt bổ sung.

- Đối với mỗi vi phạm hành chính cá nhân, tổ chức chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính nhưng có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung. Hình thức phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm với hình thức xử phạt chính. Tuy nhiên việc lựa chọn hình thức nào là chính, hình thức nào là bổ sung để áp dụng cụ thể đối với vi phạm hành chính lại do các điều khoản cụ thể của các nghị định của Chính phủ quy định, người có thẩm quyền xử phạt phải căn cứ vào các quy định này để áp dụng đối với hành vi vi phạm cụ thể.

1.2. Áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo

1.2.1. Theo quy định tại Điều 22 Luật XLVPHC, hình thức xử phạt cảnh cáo là một trong hai hình thức chỉ được quy định là hình phạt chính. So với hình thức xử phạt tiền thì hình thức xử phạt cảnh cáo nhẹ hơn. Cảnh cáo thể hiện thái độ răn đe, giáo dục hơn là trừng phạt nhưng vẫn thể hiện tính nghiêm khắc của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức có vi phạm, do đó, vẫn mang tính cưỡng chế nhà nước, gây cho người bị xử phạt tổn hại nhất định về mặt tinh thần.

Hình thức xử phạt này được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi hành vi do người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quy định bằng văn bản.

1.2.2. Khi áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo người có thẩm quyền xử phạt cần lưu ý

- Cảnh cáo chỉ được áp dụng khi có quy định về việc áp dụng hình thức xử phạt này. Có nghĩa là Nghị định của Chính phủ quy định hành vi vi phạm cụ thể bị xử phạt cảnh cáo thì người có thẩm quyền xử phạt mới được áp dụng hình thức xử phạt này. Như vậy một người có hành vi vi phạm mặc dù không nghiêm trọng và có tình tiết giảm nhẹ nhưng nghị định của Chính phủ không quy định hình thức xử phạt cảnh cáo cho hành vi cụ thể ấy thì người có thẩm quyền xử phạt không áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với người có hành vi vi phạm. Nhưng đối với trẻ em từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với mọi hành vi vi phạm mà không cần quan tâm đến hành vi vi phạm đó trong nghị định của Chính phủ có quy định hình thức xử phạt cảnh cáo hay không.

- Cảnh cáo do người có thẩm quyền xử phạt quyết định phải bằng văn bản. Nghĩa là mọi tuyên bố bằng miệng mà không thể hiện bằng văn bản thì không được coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Ví dụ như cảnh sát giao thông nhắc nhở người có hành vi vi phạm giao thông, cảnh sát giữ gìn trật tự nhắc nhở người có hành vi gây mất trật tự công cộng. Việc nhắc nhở ấy không thể hiện bằng văn bản thì không coi là xử phạt vi phạm hành chính.

- Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt thực hiện việc nhắc nhở thay cho hình thức xử phạt cảnh cáo thì phải thực hiện theo quy định của Luật XLVPHC về biện pháp thay thế XLVPHC đối với người chưa thành niên.

1.3. Quy định của pháp luật về hình thức phạt tiền

1.3.1. Phạt tiền là việc Nhà nước bắt buộc cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt phải nộp một khoản tiền nhất định vào ngân sách nhà nước. Đây là hình thức xử phạt chính, được coi là hình thức xử phạt chủ yếu trong xử phạt vi phạm hành chính với đa số vi phạm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Phạt tiền tác động trực tiếp đến vật chất, lợi ích kinh tế của người vi phạm, gây ra hậu quả bất lợi về tài sản cho họ. Vì vậy hình thức xử phạt này có hiệu quả rất lớn trong việc đấu tranh phòng chống vi phạm hành chính.

Luật XLVPHC quy định mức phạt tối thiểu là 50.000 đồng, mức tối đa 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân; từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức. Tuy nhiên đối với từng nhóm hành vi vi phạm ở từng lĩnh vực khác nhau thì mức phạt tối thiểu và tối đa cũng khác nhau. Mức phạt này đã được quy định “khung” tại Điều 24 Luật XLVPHC. Đối với những lĩnh vực mới chưa được quy định tại Điều 24 thì Chính phủ xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định nhưng không vượt quá mức tối đa 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

1.3.2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, Điều 24 Luật XLVPHC quy định mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với cá nhân như sau theo 10 mức:

- Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tôn giáo; thi đua, khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê;

- Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giao thông đường bộ; giao dịch điện tử; bưu chính;

- Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: phòng cháy, chữa cháy; cơ yếu; quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia; bổ trợ tư pháp; y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; giáo dục; văn hóa; thể thao; du lịch; quản lý khoa học, công nghệ; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bảo trợ, cứu trợ xã hội; phòng chống thiên tai; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; quản lý và bảo tồn gen; sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, cây trồng; thú y; kế toán; kiểm toán độc lập; phí, lệ phí; quản lý tài sản công; hóa đơn; dự trữ quốc gia; điện lực; hóa chất; khí tượng thủy văn; đo đạc bản đồ; đăng ký kinh doanh;

- Phạt tiền đến 75.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: quốc phòng, an ninh quốc gia; lao động; dạy nghề; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa; bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội;

- Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: quản lý công trình thủy lợi; đê điều; khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm; dược, trang thiết bị y tế; sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, phân bón; quảng cáo; đặt cược và trò chơi có thưởng; quản lý lao động ngoài nước; giao thông hàng hải; giao thông hàng không dân dụng; quản lý và bảo vệ công trình giao thông; công nghệ thông tin; viễn thông; tần số vô tuyến điện; báo chí; xuất bản; thương mại; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hải quan, thủ tục thuế; kinh doanh xổ số; kinh doanh bảo hiểm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý vật liệu nổ; bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hải sản;

- Phạt tiền đến 150.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: quản lý giá; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở; đấu thầu; đầu tư;

- Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả;

- Phạt tiền đến 250.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước;

- Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: xây dựng; quản lý rừng, lâm sản; đất đai;

- Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với các lĩnh vực: quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản

lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền tệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường.

* Đối với tổ chức, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

* Ngoài các lĩnh vực đã được quy định như trên để đảm bảo với tính thống nhất với các quy định của các luật đặc thù có quy định mức xử phạt tính theo số lần giá trị hàng hóa, tang vật vi phạm, Luật XLVPHC quy định mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực thuế; đo lường; sở hữu trí tuệ; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chứng khoán; hạn chế cạnh tranh theo quy định tại các luật tương ứng. Cụ thể như sau:

- Lĩnh vực thuế: Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

- Lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa: Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Lĩnh vực sở hữu trí tuệ: Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

- Lĩnh vực an toàn thực phẩm: Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

- Lĩnh vực chứng khoán: Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 108/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Lĩnh vực hạn chế cạnh tranh: Nghị định số 71/2014/NĐ-CP ngày 21/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật cạnh tranh về xử lý vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh.

1.4. Hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn

1.4.1. Đây là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Đây cũng là hình thức xử phạt có tính chất nghiêm khắc và có hiệu

quả cao trong xử phạt và ngăn ngừa vi phạm hành chính, nhất là đối với những lĩnh vực liên quan đến trật tự quản lý kinh tế.

Hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt có thể là hình thức xử phạt chính và có thể là hình thức xử phạt bổ sung. Khi xây dựng hình thức xử phạt này đối với một hành vi vi phạm hành chính, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC (Nghị định số 81/2013/NĐ-CP) quy định phải dựa trên cơ sở các căn cứ sau:

- Trực tiếp vi phạm các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Có nghĩa là chỉ áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn đối với cá nhân, tổ chức trực tiếp vi phạm các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề, những hành vi vi phạm hành chính có liên quan trực tiếp đến quy định về sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

- Vi phạm có tính chất, mức độ nghiêm trọng xâm hại trật tự quản lý hành chính nhà nước. Việc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng quy định sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, xâm hại trật tự quản lý hành chính nhà nước.

Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được quy định trong khung thời gian cụ thể, khoảng cách tước tối thiểu và tối đa không quá lớn.

1.4.2. Việc áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật XLVPHC, Điều 7 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Trường hợp người vi phạm thực hiện nhiều hành vi vi phạm mà bị xử phạt trong cùng một lần, trong đó có hai hành vi trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì áp dụng thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của hành vi vi phạm hành chính có thời hạn tước dài nhất.

- Thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề không phụ thuộc vào cơ quan, người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề mà chỉ thực hiện theo Luật XLVPHC.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề người có thẩm quyền ra quyết định phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.

- Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động bị cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung thì người có thẩm quyền xử phạt tịch thu

và thông báo cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động bị tịch thu biết.

1.4.3. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

1.5. Hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn

1.5.1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật XLVPHC quy định: Đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng trong thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

1.5.2. Hình thức xử phạt này được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng trong thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;

- Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng trong thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

Đây là hình thức xử phạt được Luật XLVPHC bổ sung bên cạnh hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn với mục đích giải quyết thực trạng cần có biện pháp xử lý phù hợp đối với cơ sở kinh doanh hoạt động không yêu cầu có giấy phép hoặc vi phạm một phần nội dung giấy phép. Căn cứ vào Điều 21, Điều 25 Luật XLVPHC, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/NĐ-CP và tính đặc thù của từng lĩnh vực Chính phủ sẽ quy định hình thức xử phạt này là hình thức xử phạt chính hay bổ sung cho từng hành vi vi phạm cụ thể nhằm bảo đảm sự phù hợp, tính hiệu quả của việc xử phạt.

1.5.3. Thời hạn đình chỉ hoạt động có thời hạn là từ 01 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt này mà không phụ thuộc vào cơ quan người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

1.6. Hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1.6.1. Theo quy định tại Điều 26 Luật XLVPHC quy định: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền,

hàng hóa, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức. Đó là việc tước đoạt quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức vi phạm sang sở hữu của Nhà nước. Đối với những vật không có giá trị hoặc không sử dụng được hoặc là vật phẩm gây hại thì người có thẩm quyền sẽ tiến hành tiêu hủy sau khi tịch thu. Ngoài ý nghĩa là một hình thức xử phạt, việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính còn có ý nghĩa nhằm ngăn chặn, loại bỏ hoặc hạn chế khả năng tiếp tục vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân.

1.6.2. Sau khi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải tiến hành xử lý các tang vật, phương tiện này. Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Điều 82 Luật XLVPHC, khoản 21 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đối với tang vật vi phạm hành chính là tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý thì phải nộp vào ngân sách nhà nước;

- Đối với giấy tờ, tài liệu, chứng từ liên quan tới tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì chuyển cho cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản theo quy định;

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm, vật thuộc loại cấm lưu hành và tài sản khác thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật;

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã được cấp có thẩm quyền ra quyết định chuyển giao cho cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng thì cơ quan đã ra quyết định tịch thu chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính tổ chức chuyển giao cho cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng;

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu không thuộc trường hợp quy định nêu trên thì tiến hành thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi xảy ra hành vi vi phạm để thực hiện việc bán đấu giá; trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá thì thành lập hội đồng để bán đấu giá.

Việc bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán đấu giá được thì cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu phải lập hội đồng xử lý gồm đại diện các cơ quan nhà nước hữu quan. Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên hội đồng xử lý.

Phương thức, trình tự, thủ tục xử lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

1.6.3 Hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được áp dụng khi nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có quy định hình thức xử phạt này đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể.

1.7. Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng

1.7.1. Khắc phục hậu quả là việc người có hành vi vi phạm hành chính sử dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật nhằm hạn chế hoặc khôi phục tình trạng ban đầu do hành vi vi phạm hành chính của mình gây ra. Các biện pháp khắc phục hậu quả mang tính cưỡng chế nhà nước được áp dụng khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra nhằm hạn chế tối đa thiệt hại hay khắc phục triệt để hậu quả, bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng, hoạt động bình thường của xã hội, trật tự quản lý hành chính nhà nước.

Điều 28 Luật XLVPHC quy định có 9 biện pháp khắc phục hậu quả gồm:

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;
- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;
- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;
- Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;
- Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;
- Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;
- Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;
- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

Ngoài 9 biện pháp trên các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định trong các nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính.

1.7.2. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả :

- Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

- Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả.

Về nguyên tắc biện pháp khắc phục hậu quả chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính và được ghi trong quyết định xử phạt. Nhưng để bảo đảm nguyên tắc “Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật” được quy định tại Điều 3 Luật XLVPHC đối với trường hợp không ra quyết định xử phạt nhưng hành vi vi phạm hành chính gây hậu quả cần phải khắc phục thì người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Cụ thể trong các trường hợp sau:

- Người vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết; phòng vệ chính đáng; do sự kiện bất ngờ; do sự kiện bất khả kháng; không có năng lực chịu trách nhiệm hành chính hoặc chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định;

- Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;

- Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt;

- Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích; tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;

- Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật XLVPHC.

1.7.3. Biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu:

Theo quy định tại Điều 29 Luật XLVPHC: Cá nhân, tổ chức phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính của mình gây ra; nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu chỉ áp dụng để khắc phục hậu quả của một số vi phạm hành chính, khi có các điều kiện sau:

- Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có quy định việc áp dụng biện pháp này đối với hành vi vi phạm cụ thể.

- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hành chính với sự thay đổi của sự vật so với lúc ban đầu.

- Được người có thẩm quyền quyết định áp dụng cùng hình thức xử phạt chính.

- Việc áp dụng biện pháp này được người có thẩm quyền xử phạt ghi trong quyết định xử phạt. Trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt thì phải ra quyết định buộc khắc phục hậu quả độc lập.

1.7.4. Biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép

Theo quy định tại Điều 30 Luật XLVPHC quy định: Biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép là biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng đối với tổ

chức, cá nhân có hành vi vi phạm trật tự quản lý về xây dựng. Ví dụ như xây dựng trên đất lấn chiếm, xây dựng công trình trên hành lang giao thông, mạng lưới điện, đê điều, đất quy hoạch dự án phi dân cư vv... Khi vi phạm người vi phạm phải tự tháo dỡ. Nếu không thì bị cưỡng chế.

Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép chỉ áp dụng để khắc phục hậu quả của một số vi phạm hành chính, khi có các điều kiện sau:

- Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có quy định việc áp dụng biện pháp này đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể.

- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hành chính với công trình xây dựng, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

- Được người có thẩm quyền quyết định áp dụng cùng hình thức xử phạt chính.

- Việc áp dụng biện pháp này được người có thẩm quyền xử phạt ghi trong quyết định xử phạt. Trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt thì phải ra quyết định buộc khắc phục hậu quả độc lập.

1.7.5. Biện pháp buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh

Theo quy định tại Điều 31 Luật XLVPHC quy định: Biện pháp buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh là biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh. Luật XLVPHC không quy định cụ thể tổ chức, cá nhân vi phạm phải thực hiện những biện pháp gì để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh nhằm bảo đảm tính linh hoạt, chặt chẽ trong quá trình áp dụng.

Do vậy tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền sẽ quyết định biện pháp thích hợp và có hiệu quả nhất. Tuy nhiên cũng như áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả khác, việc áp dụng biện pháp này cần tuân thủ các điều kiện sau:

- Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có quy định việc áp dụng biện pháp này đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể.

- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hành chính với tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.

- Được người có thẩm quyền quyết định áp dụng cùng hình thức xử phạt chính.

- Việc áp dụng biện pháp này được người có thẩm quyền xử phạt ghi trong quyết định xử phạt. Trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt thì phải ra quyết định buộc khắc phục hậu quả độc lập.

1.7.6. Biện pháp buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện

Theo quy định tại Điều 32 Luật XLVPHC quy định biện pháp buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện là biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính. Theo đó cá nhân, tổ chức vi phạm phải đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật.

Biện pháp này được áp dụng trong trường hợp chưa đến mức hoặc không cần thiết phải tịch thu những hàng hóa, vật phẩm, phương tiện liên quan đến hành vi vi phạm hành chính. Bên cạnh đó biện pháp này cũng được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm. Biện pháp này chủ yếu được áp dụng trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan hoặc các lĩnh vực có liên quan đến xuất nhập khẩu hoặc các hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam.

Đối tượng áp dụng của biện pháp này chia thành hai nhóm:

Nhóm thứ nhất là nhóm hàng hóa, vật phẩm, phương tiện đưa vào lãnh thổ Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật.

Nhóm thứ hai là nhóm hàng tạm nhập tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của Việt Nam.

Ở địa phương chỉ có Chủ tịch UBND tỉnh, Cục trưởng cục Hải quan mới có thẩm quyền.

Việc áp dụng biện pháp này cũng phải có điều kiện tương tự như các biện pháp khác.

1.7.7. Biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại được Luật XLVPHC quy định tại Điều 33. Theo đó, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng phải tiêu hủy.

Hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng được hiểu là những vật có trong tự nhiên, sản phẩm do con người tạo ra có chứa chất độc hại trực tiếp hay gián tiếp tác động đến môi trường sống của con người, vật nuôi, cây trồng. Nó có thể ảnh hưởng đến sự phát triển hay làm cho con

người, vật nuôi, cây trồng chết. Do đó luật đã quy định phải áp dụng biện pháp tiêu hủy.

Văn hóa phẩm độc hại được hiểu là những sản phẩm hàng hóa mang ý nghĩa văn hóa, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của con người có nội dung hoặc hình thức thể hiện trái với thuần phong mỹ tục hoặc mang tính đồi trụy, phản động có hại đến đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng. Với tính chất này văn hóa phẩm độc hại là tang vật của vi phạm hành chính buộc phải tiêu hủy. Tùy theo tính chất của vụ việc có thể cá nhân tổ chức tự tiêu hủy hay lập hội đồng tiêu hủy.

Việc áp dụng biện pháp này cũng cần tuân thủ các điều kiện như các biện pháp khác.

1.7.8. Biện pháp buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn

Theo quy định tại Điều 34 Luật XLVPHC quy định: Biện pháp buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn là biện pháp buộc cá nhân tổ chức vi phạm hành chính phải cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đã được công bố, đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử đã đưa tin. Việc áp dụng biện pháp này cũng cần tuân thủ các điều kiện như các biện pháp khác.

1.7.9. Biện pháp buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm

Theo quy định tại Điều 35 Luật XLVPHC quy định: Biện pháp buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm là biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính buộc cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa hoặc sử dụng phương tiện kinh doanh, vật phẩm chứa yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, vật phẩm thì phải loại bỏ các yếu tố vi phạm đó. Việc áp dụng biện pháp này cần tuân thủ những điều kiện tương tự các biện pháp khác.

1.7.10. Biện pháp buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng

Theo quy định tại Điều 36 Luật XLVPHC: Biện pháp buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng đã đăng ký hoặc công bố và hàng hóa khác không bảo đảm chất lượng, điều kiện lưu thông thì phải thu hồi các sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường. Việc áp dụng biện pháp này cần tuân thủ những điều kiện tương tự các biện pháp khác.

1.7.11. Biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật

Theo quy định tại Điều 37 Luật XLVPHC: Đây là biện pháp khắc phục hậu quả buộc cá nhân, tổ chức vi phạm nộp lại số lợi nhuận bất hợp pháp là tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá trị có được từ vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức đã thực hiện để sung vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho người bị chiếm đoạt; Nếu tang vật, phương tiện đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái với quy định của pháp luật thì đối tượng vi phạm phải nộp một khoản tiền ngang với giá trị tang vật, phương tiện đó. Việc áp dụng biện pháp này cũng cần tuân thủ những điều kiện như các biện pháp khác.

1.8. Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1.8.1. Xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 52 Luật XLVPHC như sau:

- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người quy định tại các Điều từ 38 đến 51 của Luật XLVPHC là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần cá nhân và được xác định theo tỷ lệ phần trăm quy định tại Luật XLVPHC đối với chức danh đó.

- Thẩm quyền phạt tiền quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật XLVPHC được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

- Chủ tịch UBND các cấp xử phạt vi phạm hành chính trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều từ 39 đến 51 của Luật XLVPHC có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

- Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau:

Một là, nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó.

Hai là, nếu hình thức, mức phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền để giải quyết.

Ba là, Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

Ngoài các nội dung xác định, phân định thẩm quyền nêu trên được quy định trong Luật XLVPHC, tại Điều 5 Nghị định 81/2013/NĐ-CP, khoản 2, 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP cũng quy định về xác định thẩm quyền xử phạt như sau:

- Thẩm quyền phạt tiền của mỗi chức danh phải được quy định cụ thể trong nghị định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với nghị định có nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước, thì thẩm quyền này phải quy định cụ thể đối với từng lĩnh vực.

Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh được tính theo tỷ lệ % mức phạt tiền tối đa của lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật XLVPHC thì thẩm quyền phạt tiền phải được tính thành mức tiền cụ thể để quy định trong nghị định.

- Đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật XLVPHC có hành vi vi phạm hành chính mà mức phạt được xác định theo số lần, giá trị tang vật vi phạm, hàng hóa vi phạm thì thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Điều 38, 39, 40, 41 và 46 của Luật XLVPHC được xác định theo tỷ lệ phần trăm mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực đó và phải được tính thành mức tiền cụ thể để quy định trong nghị định.

- Trường hợp nghị định xử phạt vi phạm hành chính có quy định nhiều chức danh tham gia xử phạt thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, thì phải quy định rõ thẩm quyền xử phạt của các chức danh đó đối với từng điều khoản cụ thể.

- Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra trong thời hạn thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

- Trường hợp cấp trưởng giao quyền cho cấp phó thì quyết định giao quyền quy định tại Điều 54, khoản 2 Điều 87 và khoản 2 Điều 123 Luật XLVPHC phải xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Quyết định giao quyền phải được đánh số, ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu, ký và đóng dấu; trường hợp cơ quan, đơn vị của người giao quyền không được sử dụng dấu riêng, thì đóng dấu treo của cơ quan cấp trên; phần căn cứ pháp lý ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cấp phó được giao quyền phải thể hiện rõ số, ngày, tháng, năm, trích yếu của quyết định giao quyền; người được giao nhiệm vụ đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt thì có thẩm quyền xử phạt và được giao quyền xử phạt của mình cho người khác như cấp trưởng.

- Cấp phó của những người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được giao quyền thì có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 119 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Việc giao quyền chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Quyết định giao quyền hết thời hạn;

- + Công việc được giao quyền đã hoàn thành;
 - + Cấp trưởng chấm dứt việc giao quyền cho cấp phó. Trong trường hợp này, việc chấm dứt giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định;
 - + Người giao quyền hoặc người được giao quyền nghỉ hưu, thôi việc, được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức hoặc tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật;
 - + Người giao quyền hoặc người được giao quyền chết, bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết;
 - + Công việc được giao quyền tuy chưa hoàn thành nhưng vụ việc phải chuyển giao cho cơ quan, người có thẩm quyền khác xử lý theo quy định của pháp luật;
 - + Người giao quyền hoặc người được giao quyền bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.
- Trường hợp một chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà có thay đổi về tên gọi thì chức danh mới có thẩm quyền xử phạt như chức danh cũ theo quy định tại Điều 53 Luật XLVPHC.

1.8.2. Luật XLVPHC quy định về thẩm quyền phạt tiền theo tỷ lệ % so với mức phạt tối đa quy định tại Điều 24 Luật XLVPHC, đồng thời không chế mức trần đối với một số chức danh có thẩm quyền chung hoặc xử phạt trong nhiều lĩnh vực. Từ quy định này Chính phủ quy định thẩm quyền cụ thể của từng chức danh trong các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước cụ thể.

Việc quy định mức phạt theo tỷ lệ % đối với các chức danh cụ thể trong Luật XLVPHC được quy định theo các tiêu chí, điều kiện sau đây:

Một là, thẩm quyền xử phạt của từng chức danh trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước được quy định phải dựa trên chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan đó. Đối với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt chung như: Chủ tịch UBND, công an nhân dân, thanh tra... hoặc các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đa ngành đa lĩnh vực thì mức xử phạt tiền được xác định theo các lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC. Các cơ quan quản lý chuyên ngành thì mức xử phạt tiền quy định cụ thể trong lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan, chức danh đó tại Điều 24 của Luật XLVPHC.

Hai là, đối với các chức danh có thẩm quyền xử phạt cấp cơ sở là chiến sĩ cảnh sát, thanh tra viên, mức phạt được quy định từ 01 đến 02 % mức phạt tối đa trong lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC.

Ba là, tùy theo cơ cấu, tổ chức của từng cơ quan - lực lượng có thẩm quyền xử phạt, mức xử phạt tỷ lệ % được chia thành các mức khác nhau. Mức thấp nhất là 3%, mức cao nhất là 70%. Ở địa phương, Chủ tịch UBND có ba mức 10%, 50% và mức tối đa; thanh tra có ba mức 50%, 70% và mức tối đa.

Bốn là, mức phạt của người có thẩm quyền xử phạt liên kế với người có thẩm quyền đến mức tối đa trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước về cơ bản được quy định là 50% mức phạt tối đa của lĩnh vực đó.

1.9. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND các cấp và các chức danh khác ở địa phương

1.9.1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND các cấp theo Điều 38 Luật XLVPHC như sau:

- Chủ tịch UBND cấp xã có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC nhưng không quá 5.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền thuộc thẩm quyền; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC nhưng không quá 50.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt thuộc thẩm quyền; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

1.9.2. Các chức danh có thẩm quyền ở địa phương

- Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC nhưng không quá 500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Chánh Thanh tra sở, Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục về bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, thủy lợi, đê điều, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa

đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC nhưng không quá 50.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Cục trưởng Cục Thống kê, Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các chức danh tương đương được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 70% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 250.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Kiểm lâm viên đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 10.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Luật XLVPHC.

Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 43 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật XLVPHC; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

Đội trưởng Đội Thuế có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị

không vượt quá mức tiền phạt thuộc thẩm quyền; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Cục trưởng Cục Thuế có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 70.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 45 Luật XLVPHC; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC nhưng không quá 500.000 đồng.

Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật XLVPHC có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 3% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC nhưng không quá 1.500.000 đồng.

Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền: phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC nhưng không quá 2.500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 39 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát phản ứng nhanh, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy,

Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn trên sông, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh văn hóa, tư tưởng, Trưởng phòng An ninh thông tin; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy các quận, huyện thuộc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 25.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC nhưng không quá 50.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật XLVPHC; quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Thẩm phán chủ tọa phiên toàn có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 1.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Luật XLVPHC.

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phá sản có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 5.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự khu vực có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 7.500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều Luật XLVPHC.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Chánh tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Chánh tòa chuyên trách Tòa án nhân dân tối cao có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Chấp hành viên thi hành án dân sự đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 2.500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Chấp hành viên thi hành án dân sự là Tổ trưởng tổ quản lý, thanh lý tài sản của vụ việc phá sản có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 5.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Trưởng phòng Phòng Thi hành án cấp quân khu có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 20.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 49 Luật XLVPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.

2. Thủ tục xử phạt, quyết định xử phạt và thi hành quyết định xử phạt

2.1. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính được quy định từ Điều 55 đến Điều 68 Luật XLVPHC. Theo đó, có hai loại thủ tục xử phạt vi phạm hành chính là: Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản vi phạm hành chính và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Cụ thể như sau:

2.1.1. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 56 Luật XLVPHC được áp dụng trong trường hợp cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt tại chỗ. Thủ tục này áp dụng đối với những trường hợp vi phạm đơn giản, rõ ràng không có tình tiết phức tạp phải xác minh thêm. Việc quy định thủ tục này nhằm giải quyết nhanh chóng và khắc phục tình trạng vi phạm nhỏ mà cũng phải chuyển lên trên để xử phạt. Mức phạt được quy định là mức tiền phạt cụ thể đối với vi phạm cụ thể mà không phải là mức tối đa hoặc tối thiểu của khung tiền phạt. Từ

mức khung hình phạt cụ thể trong các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực người có thẩm quyền xử phạt căn cứ vào tính chất mức độ, tình tiết giảm nhẹ của vi phạm để quyết định mức tiền phạt cụ thể. Nếu mức tiền phạt đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức thì người có thẩm quyền xử phạt quyết định xử phạt tại chỗ mà không cần lập biên bản, hồ sơ vi phạm hành chính.

2.1.2. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với tất cả những vi phạm hành chính không thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản vi phạm hành chính. Có nghĩa là, trường hợp hành vi vi phạm bị phạt tiền 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức trở lên thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải áp dụng thủ tục xử phạt có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Việc xử phạt có lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt phải thiết lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ gồm: Biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các giấy tờ khác có liên quan. Hồ sơ phải được đánh số bút lục.

2.2. Lập biên bản vi phạm hành chính

Một quy trình xử phạt vi phạm hành chính bao gồm: Phát hiện và buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính; lập biên bản vi phạm hành chính; áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính; xem xét, quyết định xử phạt; thi hành quyết định xử phạt.

2.2.1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính không thuộc trường hợp phạt hành chính không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; công chức, viên chức và người thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính. Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

Người có thẩm quyền lập biên bản hành chính nhưng không có thẩm quyền xử phạt thì chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản. Trường hợp vụ việc vi phạm vừa có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, vừa có hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt hoặc vượt quá thẩm quyền của người lập biên bản thì người đó vẫn phải lập biên bản vi phạm hành chính đối với tất cả các hành vi vi phạm và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật XLVPHC.

Quy định như vậy nhằm khắc phục sự tùy tiện, lạm quyền của những người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi thi hành công vụ, nhiệm vụ, đồng thời cũng hạn chế đến mức thấp nhất khả năng tranh chấp thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các lực lượng chức năng trong việc lập biên bản vi phạm hành chính.

Lập biên bản là một khâu bắt buộc của quá trình xử phạt vi phạm hành chính, là căn cứ để xem xét xử phạt. Do đó, khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải lập biên bản. Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì việc lập biên bản vi phạm hành chính được tiến hành ngay sau khi xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm.

2.2.2. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm cùng ký vào biên bản, trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng ký vào biên bản, nếu biên bản có nhiều tờ thì họ phải ký vào từng tờ. Nếu họ từ chối ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do việc từ chối ấy vào biên bản. Trường hợp người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính một bản; trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người vi phạm; trường hợp vi phạm hành chính vượt quá thẩm quyền hoặc không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản đã được lập phải chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt để người đó xem xét quyết định xử phạt.

2.2.3. Nội dung của biên bản vi phạm hành chính gồm:

- Ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản;
- Họ, tên, chức vụ người lập biên bản;
- Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;
- Giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm;
- Hành vi vi phạm;
- Biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý;
- Tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ;
- Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm;

Nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ;

- Quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

Nếu trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm trong cùng một vụ thì người có thẩm quyền chỉ lập một biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức đó.

2.3. Xác minh, giải trình, xác định giá trị tang vật trong vụ vi phạm hành chính; chuyển vụ việc vi phạm hành chính

2.3.1. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật XLVPHC quy định: khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:

- Có hay không có vi phạm hành chính;
- Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính;
- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;
- Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;
- Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật XLVPHC;
- Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.

Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.

Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản.

Người có thẩm quyền xử phạt có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người khác thay mình xác minh.

2.3.2. Việc xác định giá trị tang vật nhằm mục đích làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt; để xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá trong trường hợp tang vật vi phạm bị tịch thu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC, việc xác định giá trị tang vật dựa trên căn cứ theo giá trị ưu tiên sau đây:

- Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hoá đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu;
- Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính;
- Giá thành của tang vật nếu là hàng hoá chưa xuất bán;
- Đối với tang vật là hàng giả thì giá của tang vật đó là giá thị trường của hàng hoá thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm nơi phát hiện vi phạm hành chính.

2.3.3. Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật XLVPHC, thủ tục giải trình được áp dụng trong vụ xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, 30.000.000 đồng đối trở lên đối với tổ chức.

Giải trình phải được tiến hành trước khi người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt, tại thời điểm này người có thẩm quyền xử phạt có thể chưa có cơ sở để xác định chính xác mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm, đồng thời cũng thể hiện tính dân chủ, công khai, minh bạch của việc xử phạt vi phạm hành chính.

Trình tự thủ tục giải trình được quy định tại Điều 61 của Luật XLVPHC rất chặt chẽ. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn luật định.

- Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức vi phạm phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn không quá năm ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm không quá 05 ngày theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Cá nhân, tổ chức có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người khác đại diện hợp pháp thực hiện giải trình bằng văn bản.

- Đối với trường hợp giải trình trực tiếp thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn hai ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.

Tại phiên giải trình trực tiếp người có thẩm quyền có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý, tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm; hình thức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Cá nhân, tổ chức vi phạm, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Việc giải trình trực tiếp phải được lập thành biên bản theo Mẫu biên bản số 02 (MBB02) ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP và phải được ký theo quy định; đồng thời lưu hồ sơ và giao cho người vi phạm hoặc đại diện hợp pháp của họ.

2.3.4. Theo quy định tại Điều 62 Luật XLVPHC, khi tiến hành thủ tục xử phạt vi phạm hành chính nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì người

có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan tiến hành tố tụng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc chuyển vụ việc vi phạm có dấu hiệu được thực hiện như sau:

- Trong quá trình xem xét vụ vi phạm để ra quyết định xử phạt, nếu xét thấy có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

- Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự người đã ra quyết định xử phạt hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Nếu đã thi hành xong quyết định xử phạt mà phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm nhưng chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân vi phạm.

- Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Theo quy định tại Điều 63 Luật XLVPHC, khi cơ quan tiến hành thụ lý vụ việc vi phạm pháp luật nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án nhưng xét thấy hành vi đó có dấu hiệu vi phạm hành chính thì trong thời hạn ba ngày kể từ ngày ra quyết định người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trước khi tiến hành xử phạt người có thẩm quyền có thể tiến hành xác minh thêm tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này là 30 ngày, nếu cần xác minh thêm tình tiết để làm căn cứ ra quyết định xử phạt thì thời hạn tối đa là 45 ngày.

2.4. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

2.4.1. Theo quy định tại Điều 65 Luật XLVPHC, những trường hợp sau đây có hành vi vi phạm hành chính nhưng không ra quyết định xử phạt:

- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết;
- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do phòng vệ chính đáng;
- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất ngờ;

- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất khả kháng;
- Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính;
- Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;
- Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt;
- Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;
- Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Theo khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC quy định, đối với các trường hợp không ra quyết định xử phạt nhưng người có thẩm quyền xử phạt có thể ra quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật thuộc loại cấm lưu hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Quyết định không ra quyết định xử phạt phải nêu rõ lý do vì sao không ra quyết định; tang vật bị tịch thu, tiêu hủy; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.

Trường hợp quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước không quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn có quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật XLVPHC phù hợp với hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

2.4.2. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC, cụ thể như sau:

- Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

- Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

- Đối với vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nếu có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Mặc dù hành vi vi phạm hành chính không bị xử phạt do quá thời hạn ra quyết định nhưng biện pháp khắc phục hậu quả vẫn được áp dụng, không phụ thuộc vào nghị định về xử phạt vi phạm hành chính có quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm đó hay không.

2.4.3. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có 2 loại, đó là quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ đối với trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, hồ sơ vi phạm hành chính.

Theo khoản 2 Điều 56 Luật XLVPHC quy định nội dung quyết định xử phạt không lập biên bản vi phạm hành chính gồm:

- Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;
- Hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm;
- Chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm;
- Họ tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt;
- Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng.
- Mức tiền phạt. Nếu không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì mức tiền phạt được áp dụng là mức trung bình của mức thấp nhất và mức cao nhất trong khung xử phạt đối với hành vi vi phạm. (Ví dụ: mức khung xử phạt đối với hành vi vi phạm là từ 300.000 ngàn đến 500.000 ngàn thì mức tiền phạt cho hành vi này là 400.000 ngàn).

Theo khoản 1 Điều 68 Luật XLVPHC quy định nội dung quyết định xử phạt có lập biên bản, hồ sơ vi phạm hành chính gồm:

- Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- Biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và tài liệu khác (nếu có);
- Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;
- Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;
- Hành vi vi phạm hành chính; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;
- Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;
- Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nơi nộp tiền phạt (Hiệu lực thi hành quyết định là 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, nếu hiệu lực dài hơn 10 ngày thì phải ghi rõ trong quyết định);
- Họ tên, chữ ký của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành.

Ngoài những nội dung trên, theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP đối với một số trường hợp cụ thể, quyết định xử phạt vi phạm hành chính còn có một số nội dung sau: Người có trách nhiệm hoàn trả chi phí khắc phục hậu quả đối với trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông; căn cứ thực hiện việc công bố công khai, nội dung công bố công khai, tên báo hay trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc UBND cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính để đăng công khai vi phạm hành chính về: an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm hàng hóa, dược, bảo hiểm y tế, bảo vệ môi trường, thuế, chứng khoán, sở hữu trí tuệ, đo lường, sản xuất buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xã hội.

2.4.4. Sau khi quyết định xử phạt được ban hành hoặc đang trong quá trình tổ chức thi hành mà phát hiện có sai sót thì tùy theo mức độ sai sót mà sửa đổi, bổ sung, đính chính:

- Quyết định được sửa đổi bổ sung khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định hoặc có sai sót về nội dung nhưng không làm thay đổi cơ bản về nội dung của quyết định. Quyết định xử phạt được đính chính khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo mà không làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định.

- Khi phát hiện ra những sai sót trên người đã ban hành quyết định tự mình hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người đó có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung hoặc đính chính những nội dung sai sót trong quyết định.

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, văn bản đính chính quyết định về xử phạt vi phạm hành chính là những văn bản gắn liền với quyết định về xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành và lưu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính.

2.4.5. Sau khi quyết định xử phạt được ban hành hoặc đang trong quá trình tổ chức thi hành mà phát hiện có sai sót thì tùy thuộc vào tính chất, mức độ mà có thể hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nội dung quyết định.

- Những trường hợp sau đây phải hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định:

+ Có vi phạm quy định pháp luật về thẩm quyền, thủ tục xử lý vi phạm hành chính;

+ Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC;

+ Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại khoản 10 Điều 12 Luật XLVPHC.

+ Có quyết định khởi tố vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đối với vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật XLVPHC;

- Các trường hợp sau đây thì có thể hủy bỏ một phần hoặc toàn phần nội dung quyết định tùy thuộc vào tính chất, mức độ sai sót:

- + Có sai sót về nội dung làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định;
- + Quyết định giải quyết của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại được ban hành làm thay đổi căn cứ, nội dung của quyết định về xử phạt vi phạm hành chính.

Trong những trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị hủy bỏ (kể cả trường hợp Tòa án hủy bỏ tại quyết định, bản án khi giải quyết khởi kiện quyết định về xử phạt vi phạm hành chính) khi xét thấy có căn cứ để ban hành quyết định mới về xử phạt vi phạm hành chính thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định mới hoặc chuyển cho người có thẩm quyền ban hành quyết định mới, trừ trường hợp hủy bỏ để khởi tố hình sự.

Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử phạt vi phạm hành chính là 1 năm, kể từ ngày ra quyết định, trừ trường hợp hết thời hiệu quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 6 Lụỵ XLVPHC.

Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới, văn bản đính chính về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ thời điểm ký hoặc thời điểm cụ thể ghi trong quyết định.

Thời hạn thi hành sửa đổi, bổ sung, đính chính hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử phạt vi phạm hành chính là 10 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, tổ chức vi phạm nhận được quyết định.

Thời hiệu thi hành quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử phạt vi phạm hành chính là 1 năm kể từ ngày ban hành quyết định.

Người có thẩm quyền đã ban hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính có sai sót phải kịp thời khắc phục hậu quả do việc ban hành và thực hiện quyết định gây ra và phải chịu trách nhiệm về sai sót đó.

Việc xem xét trách nhiệm được thực hiện như sau:

- Cơ quan của người có thẩm quyền đã ban hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính có sai sót phải tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của người ban hành, tham mưu ban hành quyết định đó, đồng thời xem xét trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc ban hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính có sai sót;

- Cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình ban hành, tham mưu ban hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính có sai sót, tùy theo tính chất, mức độ lỗi và nội dung có sai sót của quyết định, phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; nếu gây thiệt hại thì phải hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng thì có thể bị đề nghị xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2.5. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

2.5.1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người vi phạm để thi hành.

Nếu người vi phạm cố tình không nhận thì phải lập biên bản có xác nhận của chính quyền sở tại và được coi là quyết định đã được giao. Trường hợp gửi qua đường bưu điện mà 3 lần vẫn bị trả lại do người bị xử phạt cố tình không nhận, sau 10 ngày kể từ ngày quyết định bị trả lại, quyết định được niêm yết tại nơi cư trú của người bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng họ cố tình trốn tránh không nhận thì coi như quyết định đã được giao.

Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính ở địa bàn tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn tỉnh khác và không có điều kiện thi hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành. Nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến UBND cấp huyện để tổ chức thi hành.

Trường hợp vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác thuộc phạm vi ở một tỉnh miền núi, hải đảo, vùng xa xôi hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức không có điều kiện thi hành quyết định xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để thi hành.

Cơ quan của người có thẩm xử phạt vi phạm hành chính đối với hai trường hợp nêu trên có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) cho cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có trách nhiệm chi trả phí vận chuyển hồ sơ, tài liệu; tang vật, phương tiện đó.

2.5.2. Quyết định xử phạt hành chính phải được cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hành nghiêm. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt, các cơ quan, tổ chức liên quan phải chấp hành vô điều kiện đối với quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện thi hành thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành.

2.5.3. Thời hiệu thi hành quyết định là 01 năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật; trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt mà trốn tránh, trì hoãn thi hành quyết định xử phạt thì thời hiệu được tính từ ngày hành vi trốn tránh, trì hoãn đó chấm dứt. Quá thời hạn kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc hành vi trốn tránh trì hoãn chấm dứt thì không thi hành thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải thi hành việc tịch thu tang vật, phương tiện thuộc loại cấm lưu hành, áp

dụng khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết để bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, xây dựng và an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2.5.4. Cá nhân bị phạt tiền có thể được hoãn thi hành quyết định phạt tiền khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật XLVPHC như sau:

- Bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng trở lên;
- Đang gặp khó khăn đặc biệt, đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo, tai nạn;
- Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc.

Cá nhân phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt trong hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trong đơn phải nêu lý do đề nghị hoãn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.

Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.

Cá nhân được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ.

2.5.5. Cá nhân bị phạt tiền có thể được miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật XLVPHC như sau:

- Bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng trở lên;
- Đang gặp khó khăn đặc biệt, đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo, tai nạn.
- Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc.
- Không có khả năng thi hành quyết định.

Trình tự thủ tục giảm, miễn tiền phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật XLVPHC, khoản 4 khoản 7 Điều 10 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP như sau:

- Cá nhân phải có đơn đề nghị giảm, miễn phần còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày làm việc trước khi hết thời hạn hoãn được ghi trong quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt.

- Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt phải chuyển đơn kèm hồ sơ vụ việc đến cấp trên trực tiếp.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đơn, cấp trên trực tiếp phải xem xét quyết định và thông báo cho người đã ra quyết định xử phạt, người có

đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định xử phạt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đó xem xét, quyết định việc giảm, miễn tiền phạt.

Quyết định giảm, miễn tiền phạt còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt phải bằng văn bản (theo mẫu MQĐ04 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

Thời gian xem xét, quyết định giảm, miễn phần tiền phạt không tính là thời gian chậm nộp tiền phạt.

Cá nhân được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ.

2.5.6. Theo Điều 78 Luật XLVPHC, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và khoản 16 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP quy định cá nhân, tổ chức bị xử phạt tiền, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt phải đến nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ vào Kho bạc nhà nước thông qua dịch vụ bưu chính công ích; trừ các trường hợp đã nộp trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt hành chính không lập biên bản; trường hợp xử phạt vi phạm hành chính tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn; xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính; người có thẩm quyền tại cảng vụ hàng không, người có thẩm quyền trên các chuyến bay quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, các chuyến bay quốc tế xuất phát từ lãnh thổ Việt Nam.

Nếu quá thời hạn trên thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày nộp chậm thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

Trường hợp xử phạt tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn thì người có thẩm quyền xử phạt thu tiền phạt tại chỗ và nộp vào Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt; trường hợp xử phạt trên biển hay ngoài giờ hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được thu tiền phạt trực tiếp và phải nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền phạt.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính bị phạt tiền phải nộp tiền một lần, trừ trường hợp được áp dụng nộp tiền nhiều lần khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật XLVPHC, cụ thể: Bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân và 200.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức; đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn xin nộp tiền phạt nhiều lần. Đơn đề nghị của cá nhân phải được UBND xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức

nơi người đó học tập, làm việc; đối với tổ chức đơn đề nghị phải được xác nhận của cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan tổ chức cấp trên trực tiếp.

Việc nộp phạt nhiều lần thực hiện theo quy định sau:

- Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực;

- Số lần nộp phạt tối đa không quá 03 lần;

- Mức nộp phạt lần thứ nhất không dưới 40% tổng số tiền phạt.

Người đã ra quyết định xử phạt tiền có thẩm quyền quyết định việc nộp tiền phạt nhiều lần. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần người đã ra quyết định phạt tiền phải trả lời bằng văn bản cho người đề nghị; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

2.5.7. Theo quy định tại Điều 75 Luật XLVPHC, trong trường hợp cá nhân bị xử phạt chết, mất tích hoặc tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản thì không thi hành quyết định phạt tiền nhưng vẫn thi hành hình thức phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định.

Trên cơ sở đó, tại Điều 9 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định thủ tục thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này như sau:

- Cá nhân bị xử phạt chết, mất tích hoặc tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản mà quyết định xử phạt vẫn còn thời hiệu thi hành thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cá nhân bị xử phạt chết được ghi trong giấy chứng tử; cá nhân bị mất tích được ghi trong quyết định tuyên bố mất tích; tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản được ghi trong quyết định giải thể, phá sản phải ra quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì cá nhân, tổ chức đang quản lý tang vật, phương tiện vi phạm phải có trách nhiệm thi hành; đối với biện pháp khắc phục hậu quả thì cá nhân là người được hưởng tài sản thừa kế được xác định theo quy định của pháp luật dân sự về thừa kế phải tiếp tục thi hành phần còn lại của quyết định xử phạt; đối với tổ chức bị giải thể, phá sản thì quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc giải thể, phá sản; người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị giải thể, phá sản để thi hành.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định này phải gửi cho cá nhân, tổ chức đang quản lý tang vật, phương tiện vi phạm; người được hưởng tài sản thừa kế; người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị giải thể, phá sản để thi hành.

- Thủ tục thi hành một phần nội dung của quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo thủ tục chung về thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Nếu quá thời hạn thi hành mà cá nhân, tổ chức có trách nhiệm không thực hiện thì phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện, mọi chi phí được khấu trừ vào tài sản do cá nhân chết, mất tích để lại cho người thừa kế hoặc tài sản còn lại của tổ chức bị giải thể, phá sản và đó được coi là một trong những khoản chi phí ưu tiên thanh toán (nếu có)

- Trường hợp cá nhân bị xử phạt chết, mất tích không có tài sản để lại, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản không còn tài sản thì việc thi hành một phần còn lại của quyết định xử phạt vi phạm hành chính (biện pháp khắc phục hậu quả) thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính phải tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật XLVPHC.

- Người thừa kế của người bị xử phạt chết, mất tích, người đại diện tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản có quyền giám sát, khiếu nại khởi kiện đối với các chi phí tổ chức thực hiện và việc thanh toán chi phí thực hiện quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2.6. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn

2.6.1. Trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, người có thẩm quyền xử phạt thu giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền ra quyết định phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó: đối với trường hợp đặc biệt, nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khả năng thực tế gây hậu quả tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường thì người có thẩm quyền xử phạt còn phải thông báo đến những cơ quan có liên quan.

Trong thời gian tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép.

Khi hết hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt người có thẩm quyền xử phạt giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.

2.6.2. Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ hành nghề cấp không đúng thẩm quyền hoặc nội dung trái pháp luật, hoặc bị cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai

lệch nội dung hoặc đã được cấp do giả mạo hồ sơ thì người có thẩm quyền xử phạt phải xử lý thu hồi; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì báo cáo với cơ quan có thẩm quyền xử lý và thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp về việc thu hồi.

2.6.3. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần, trong đó có từ hai hành vi trở lên bị áp dụng xử phạt tước quyền sử dụng cùng một loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì áp dụng thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của hành vi vi phạm hành chính có thời hạn tước dài nhất.

2.7. Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

2.7.1. Khi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản; biên bản được lập theo mẫu MBB09 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, trong đó ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký, tình trạng của vật, tiền, hàng hóa, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc người đại diện của tổ chức bị xử phạt, người chứng kiến; trường hợp người bị xử phạt hoặc người đại diện của tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến.

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc người đại diện của tổ chức bị xử phạt hoặc người chứng kiến. Việc niêm phong phải được ghi vào biên bản.

Nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ mà người có thẩm quyền xử phạt nhận thấy tình trạng có sự thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản về sự thay đổi này. Biên bản phải có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến.

2.7.2. Người đã ra quyết định tạm giữ, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm quản lý, bảo quản theo thủ tục hành chính. Nếu tang vật phương tiện bị mất, bán, đánh tráo, hư hỏng, mất linh kiện, thay thế thì người ra quyết định tạm giữ, tịch thu chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định tạm giữ, tịch thu tang vật, phương tiện về việc quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện.

2.7.3. Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tùy thuộc từng loại tang vật, phương tiện bị tịch thu. Theo quy định khoản 1 Điều 82 Luật XLVPHC và khoản 21 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được xử lý như sau:

- Đối với tang vật vi phạm hành chính là tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý thì phải nộp vào ngân sách nhà nước;

- Đối với giấy tờ, tài liệu, chứng từ liên quan tới tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì chuyển cho cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản theo quy định;

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm, vật thuộc loại cấm lưu hành và tài sản khác thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật;

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã được cấp có thẩm quyền ra quyết định chuyển giao cho cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng thì cơ quan đã ra quyết định tịch thu chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính tổ chức chuyển giao cho cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng;

- Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương giá trị tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước để thay thế cho tang vật, phương tiện vi phạm đáng ra phải tịch thu. Nếu không nộp thì bị cưỡng chế nộp theo quy định của pháp luật. Người có thẩm quyền xác định giá trị tang vật, phương tiện làm căn cứ buộc người vi phạm nộp tiền, nếu không xác định được thì thành lập hội đồng định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật XLPVHC. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu không thuộc trường hợp liệt kê trên đây thì tiến hành thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi xảy ra hành vi vi phạm để thực hiện việc bán đấu giá; trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá thì thành lập hội đồng để bán đấu giá.

Việc bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá;

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán đấu giá được thì cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu phải lập hội đồng xử lý gồm đại diện các cơ quan nhà nước hữu quan.

Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên hội đồng xử lý. Phương thức, trình tự, thủ tục xử lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2.8. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả

Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 85 Luật XLVPHC như sau:

- Thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định theo quy định của pháp luật và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó.

- Người có thẩm quyền ra quyết định có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện.

- Trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật XLVPHC hoặc cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản mà không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75 của Luật XLVPHC thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Chi phí cho việc tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách dự phòng cấp cho cơ quan đó.

- Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nếu không hoàn trả thì bị cưỡng chế thực hiện.

2.9. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

2.9.1. Theo quy định tại Điều 86 Luật XLVPHC, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện thi hành quyết định xử phạt thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc được quy định tại Điều 3 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính sau đây:

- Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền.

- Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.

- Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp cưỡng chế sau: Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm; kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản; buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Chỉ áp dụng các biện pháp cưỡng chế tiếp theo khi không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế.

2.9.2. Người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế ở địa phương gồm: Chủ tịch UBND các cấp; Trưởng công an cấp huyện; Giám đốc công an cấp tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục thuế, Cục trưởng Cục thuế; Chi cục trưởng Chi cục quản lý thị trường; Chánh thanh tra sở; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục về bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, thủy lợi, đê điều, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thống kê; Giám đốc Kho bạc nhà nước cấp tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án, Cục trưởng Cục thi hành án.

2.9.3. Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế. Trường hợp trong quyết định cưỡng chế có ghi thời hạn nhiều hơn 15 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Thời hạn này là thời hạn dành cho người có thẩm quyền phải tổ chức việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Có nghĩa là trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế thì người ra quyết định cưỡng chế phải tổ chức cưỡng chế, trừ trường hợp thời hạn nhiều hơn 15 ngày được ghi trong quyết định cưỡng chế thì thực hiện theo thời hạn đó.

2.9.4. Người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có thể giao quyền cho cấp phó theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật XLVPHC. Việc giao quyền chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt và phải được thể hiện bằng văn bản. Trong văn bản giao quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền cho người khác.

2.9.5. Trách nhiệm tổ chức thi hành cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại Điều 88 Luật XLVPHC như sau:

- Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm gửi ngay quyết định cưỡng chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

- Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế:

+ Cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế;

+ Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu;

+ Tổ chức tín dụng nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành mở tài khoản phải giữ lại trong tài khoản của cá nhân, tổ chức đó số tiền tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trường hợp số dư trong tài khoản tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp thì tổ chức tín dụng vẫn phải giữ lại và trích chuyển số tiền đó. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi trích chuyển, tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc trích chuyển; việc trích chuyển không cần sự đồng ý của họ.

2.9.6. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế ở nơi thực hiện hành vi vi phạm thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở để tổ chức thi hành. Nếu nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở không có cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp quyết định cưỡng chế được chuyển đến UBND cấp huyện để thi hành. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế ở địa bàn cấp huyện thuộc phạm vi một tỉnh ở miền núi, hải đảo hoặc những vùng xa xôi, hẻo lánh khác mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để thi hành.

Cơ quan chuyển việc thi hành cưỡng chế có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở để tổ chức thi hành.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo chuyển hồ sơ vụ việc cơ quan ở địa phương nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

2.9.7. Cá nhân bị cưỡng chế là cán bộ, công chức, viên chức hoặc cá nhân đang làm việc hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức; cá nhân bị cưỡng chế đang được hưởng bảo hiểm xã hội có thể bị cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập. Đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, bảo hiểm xã hội được hưởng; đối với những khoản thu nhập khác, tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập.

Đối tượng bị cưỡng chế cũng có thể bị cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản nếu như có tiền gửi tại tổ chức tín dụng Việt Nam.

2.10. Khiếu nại, khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật Tố tụng hành chính hiện hành.

Chương III

ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1.1. Theo quy định tại Điều 89 Luật XLVPHC: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật XLVPHC để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng.

Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 03 tháng đến 06 tháng.

Theo quy định tại Điều 90 Luật XLVPHC, những đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn bao gồm:

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng có hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định.

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Những người quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 90 Luật XLVPHC mà không có nơi cư trú ổn định thì được giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở

trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục trong thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

1.2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được lập theo thủ tục quy định tại Điều 97 Luật XLVPHC như sau:

- Trưởng Công an cấp xã nơi người vi phạm thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật XLVPHC cư trú hoặc nơi họ có hành vi vi phạm pháp luật tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã hoặc đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị dân cư ở cơ sở lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Trong trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật XLVPHC thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người đó.

- Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch, tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó, bệnh án (nếu có), bản tường trình của người vi phạm và các tài liệu khác có liên quan.

Đối với người chưa thành niên bị xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì hồ sơ phải có nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có), ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ.

Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 97 Luật XLVPHC, cơ quan đã lập hồ sơ phải gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời thông báo cho người bị áp dụng. Đối với người chưa thành niên thì còn được thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

1.3. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật XLVPHC như sau:

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra hồ sơ và tổ chức cuộc họp tư vấn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cuộc họp tư vấn với sự tham gia của Trưởng Công an cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến của mình về việc áp dụng biện pháp.

- Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật XLVPHC, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tùy từng đối tượng mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao người được giáo dục cho cơ quan, tổ chức, gia đình quản lý, giáo dục; nếu đối tượng không có nơi cư trú ổn định thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục.

- Nội dung quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm: ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được giáo dục; hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; thời hạn áp dụng; ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình được giao giáo dục, quản lý người được giáo dục; quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người được giáo dục, gia đình người đó, Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

1.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hết thời hiệu thi hành sau 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật; trong trường hợp người có hành vi trốn tránh cố tình không thi hành quyết định thì thời hiệu được tính từ thời điểm hành vi trốn tránh đó chấm dứt.

1.5. Theo quy định tại Điều 109 Luật XLVPHC, sau khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý có trách nhiệm:

- Tổ chức việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người được giáo dục;

- Phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục;

- Ghi sổ theo dõi và định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

- Giúp đỡ, động viên người được giáo dục, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho họ tìm kiếm việc làm.

Người được phân công giúp đỡ phải có kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục và được hưởng khoản kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ theo quy định của pháp luật.

Người được giáo dục phải cam kết bằng văn bản về việc chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Gia đình có người được giáo dục có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với người được phân công giúp đỡ trong việc quản lý, giáo dục người được giáo dục.

Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó.

2. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

2.1. Theo quy định tại Điều 91 Luật XLVPHC, đưa vào trường giáo dưỡng là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật, nhằm mục đích giúp họ học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng từ 06 tháng đến 24 tháng.

2.2. Theo quy định tại Điều 92 Luật XLVPHC, biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý quy định tại Bộ luật hình sự.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với các trường hợp sau đây:

- + Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;

- + Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;

- + Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

2.3. Theo quy định tại Điều 99 Luật XLVPHC, việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với đối tượng quy định tại Điều 92 của Luật XLVPHC được thực hiện như sau:

- Đối với người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình

của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan;

- Đối với người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

- Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị.

Trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan đã lập hồ sơ đề nghị phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi Trưởng công an cùng cấp để xem xét đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

2.4. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại Điều 99 của Luật XLVPHC, Trưởng Công an cấp huyện xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 99 của Luật XLVPHC;

- Văn bản của Trưởng công an cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2.5. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật ; cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng.

Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi trường giáo dưỡng.

2.6. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện;
- Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;
- Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định; cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

2.7. Người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, trường giáo dưỡng, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

Đối tượng ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo mà không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương nơi trường giáo dưỡng đóng trụ sở để điều trị.

2.8. Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng có trách nhiệm trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng mà người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng.

Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng về trường giáo dưỡng.

2.9. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý trường giáo dưỡng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi trường giáo dưỡng đóng trụ sở.

3. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

3.1. Theo quy định tại Điều 93 Luật XLVPHC, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 94 Luật XLVPHC để lao động, học văn hoá, học nghề, sinh hoạt dưới sự quản lý của cơ sở giáo dục bắt buộc.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ 06 tháng đến 24 tháng.

3.2. Theo quy định tại Điều 94 Luật XLVPHC, biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài;

- Tài sản, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài;

- Vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

- Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

+ Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;

+ Người chưa đủ 18 tuổi;

+ Nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi;

+ Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;

+ Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

3.3. Theo quy định tại Điều 101 Luật XLVPHC, việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được thực hiện như sau:

- Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

- Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ;

- Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này được quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và chuyển Trưởng Công an cùng cấp.

3.4. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện chuyển đến, Trưởng Công an cấp huyện xem xét quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc do Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện chuyển đến Trưởng Công an cấp huyện;

- Văn bản của Trưởng Công an cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3.5. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật.

3.6. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

3.7. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ quan Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc.

3.8. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện;
- Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;
- Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công.
- Đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định.

3.9. Người đang chấp hành quyết định tại cơ sở giáo dục bắt buộc đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở giáo dục bắt buộc bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng

trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở giáo dục bắt buộc quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đề nghị của Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú cơ sở giáo dục bắt buộc người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

Đối tượng ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo mà không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương nơi cơ sở giáo dục bắt buộc đóng trụ sở để điều trị.

3.10. Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc có trách nhiệm trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc mà người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

3.11. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý cơ sở giáo dục bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương cơ sở giáo dục bắt buộc đóng trụ sở.

4. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

4.1. Theo quy định tại Điều 95 Luật XLVPHC, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm

quy định tại Điều 96 của Luật XLVPHC để chữa bệnh, lao động, học văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24 tháng.

4.2. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định; người đang tham gia chương trình cai nghiện tại cộng đồng, người đang tham gia điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

- Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;
- Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

4.3. Theo quy định tại Điều 103 Luật XLVPHC, việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy được thực hiện như sau:

- Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

- Đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người nghiện ma túy;

- Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trường hợp người nghiện ma túy vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

- Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

4.4. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì giao cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do công an cấp xã lập đã được Trưởng phòng Tư pháp kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ;

- Văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

4.5. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật.

Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành, thì thời hiệu được tính kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

4.6. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4.7. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện;
- Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;
- Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công hoặc không còn nghiện ma túy;
- Đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định.

4.8. Người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian

còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đề nghị của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

Đối tượng ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo mà không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để điều trị.

4.9. Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người đó tiếp tục sử dụng ma túy hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng.

4.10. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý cơ sở cai nghiện bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở.

5. Chuyển hồ sơ của đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

5.1. Theo quy định tại Điều 116 Luật XLVPHC, khi xem xét hồ sơ của đối tượng để quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm của người đó có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

5.2. Đối với trường hợp đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm của người bị áp dụng biện pháp này có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Tòa án nhân dân đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải huỷ quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày huỷ quyết định phải chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì thời hạn đối tượng đã chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù; 1,5 ngày chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính bằng 01 ngày chấp hành hình phạt tù.

6. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính

Theo quy định tại Điều 117 Luật XLVPHC, trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu hình phạt được áp dụng không phải là hình phạt tù thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

7. Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

7.1. Theo quy định tại Điều 118 Luật XLVPHC, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

7.2. Trường hợp người nghiện ma túy thuộc loại côn đồ hung hãn thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện việc cai nghiện cho đối tượng này.

7.3. Trong giai đoạn cắt cơn, phục hồi, đối tượng đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu có hành vi vi phạm các quy định tại Điều 94 của Luật XLVPHC thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên cơ sở hồ sơ hiện có và biên bản về hành vi vi phạm mới gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trưởng Công an cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến của Trưởng phòng Tư pháp về tính pháp lý của hồ sơ trước khi xem xét, gửi hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Thủ tục xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các đối tượng này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính

1.1. Theo quy định tại Điều 119 Luật XLVPHC, trong trường hợp cần ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính hoặc để đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền có thể áp dụng những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính sau đây:

- Tạm giữ người;
- Áp giải người vi phạm;
- Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;
- Khám người;
- Khám phương tiện vận tải, đồ vật;
- Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất.
- Giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- Truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn.

1.2. Theo quy định tại Điều 120 Luật XLVPHC, khi áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định từ Điều 120 đến Điều 132 của Luật XLVPHC, nếu vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp cần thiết theo quy định.

Người ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình.

Việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Trường hợp việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính không còn phù hợp với mục đích và điều kiện áp dụng theo quy định của Luật XLVPHC thì quyết định áp dụng biện pháp đó phải được huỷ bỏ.

Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quyết định huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc thay thế bằng một biện pháp ngăn chặn khác.

2. Biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính

2.1. Biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính được áp dụng trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác.

Thứ hai, khi cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới trong các trường hợp sau đây mà người có vi phạm có dấu hiệu bỏ trốn, tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm, gây cản trở việc xử lý vi phạm:

- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật;

- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định kèm theo hàng hóa;

- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đi qua cửa khẩu quy định, không làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hoặc gian lận số lượng, chủng loại hàng hóa khi làm thủ tục hải quan;

- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ kèm theo theo quy định của pháp luật hoặc có hóa đơn, chứng từ nhưng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp theo quy định của pháp luật;

- Nhập khẩu hàng hoá theo quy định của pháp luật phải dán tem nhập khẩu nhưng không có tem dán vào hàng hóa theo quy định của pháp luật hoặc có tem nhưng là tem giả, tem đã qua sử dụng;

- Buôn bán qua biên giới, hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái quy định của pháp luật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Vận chuyển hàng hoá qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái quy định của pháp luật;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, khi cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

2.2. Những người sau đây có thẩm quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an phường;
- Trưởng Công an cấp huyện;
- Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh của Công an cấp tỉnh; Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;
- Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên; Trạm trưởng Trạm công an cửa khẩu;
- Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, Đội trưởng Đội kiểm lâm cơ động;
- Đội trưởng Đội quản lý thị trường;
- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Như vậy, không phải bất kỳ người nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đều có thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính là cấp trưởng hoặc được giao nhiệm vụ của cấp trưởng thì được giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt và phải được thể hiện bằng văn bản; trong văn bản giao quyền phải ghi rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được giao quyền. Cấp phó được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền cho người khác và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật.

2.3. Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính gồm có các nội dung sau:

- Số của quyết định;
- Giờ, phút, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Họ, tên, cấp bậc, chức vụ cơ quan, đơn vị của người ra quyết định;
- Căn cứ ra quyết định, điều, khoản văn bản pháp luật được áp dụng;
- Lý do tạm giữ;
- Họ, tên, ngày tháng năm sinh, nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú), nghề nghiệp, nơi công tác, học tập, số Chứng minh nhân dân của người bị tạm giữ;

- Họ, tên bố, mẹ hoặc người giám hộ của người bị tạm giữ;
- Quốc tịch, số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (nếu là người nước ngoài bị tạm giữ);
- Thời hạn tạm giữ;
- Nơi tạm giữ;
- Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về việc ra quyết định tạm giữ và việc thực hiện biện pháp này theo quy định của pháp luật;
- Ký tên, đóng dấu cơ quan của người ra quyết định.

Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính được lập thành 02 bản giao 01 bản cho người bị tạm giữ, 01 bản lưu vào hồ sơ (Quyết định thực hiện theo mẫu MQĐ16 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

2.4. Thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính không được quá 12 giờ; trong trường hợp cần thiết, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 24 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

Đối với người vi phạm quy chế biên giới hoặc vi phạm hành chính ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 48 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

Nội dung quyết định kéo dài thời gian tạm giữ người theo thủ tục hành chính gồm:

- Số của quyết định;
- Giờ, phút, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Họ, tên, cấp bậc, chức vụ cơ quan, đơn vị của người ra quyết định;
- Căn cứ ra quyết định, điều khoản văn bản pháp luật được áp dụng;
- Lý do, thời hạn kéo dài thời gian tạm giữ;
- Nơi tạm giữ;
- Họ, tên, địa chỉ, số Chứng minh nhân dân của người bị kéo dài thời gian tạm giữ;
- Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với quyết định kéo dài thời gian tạm giữ theo quy định của pháp luật.
- Ký tên, đóng dấu cơ quan của người ra quyết định.

Trong trường hợp hết thời hạn tạm giữ hoặc chưa hết thời gian tạm giữ ghi trong quyết định nhưng căn cứ để tạm giữ đã chấm dứt thì người đã ra quyết định tạm giữ người phải ra quyết định chấm dứt việc giữ người theo thủ tục hành chính. Nội dung quyết định gồm:

- Số của quyết định;
- Giờ, phút, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Họ, tên, cấp bậc, chức vụ cơ quan, đơn vị của người ra quyết định;
- Căn cứ ra quyết định;
- Họ, tên, địa chỉ, số Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hay các giấy tờ thay hộ chiếu của người được chấm dứt việc bị tạm giữ;

- Lý do chấm dứt việc tạm giữ điều khoản văn bản pháp luật được áp dụng;
- Ký tên, đóng dấu cơ quan của người ra quyết định chấm dứt việc tạm giữ.

Quyết định chấm dứt việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính được lập thành 02 bản, giao 01 bản cho người đã bị tạm giữ, 01 bản lưu vào hồ sơ và phải ghi vào sổ theo dõi người bị tạm giữ hành chính.

2.5. Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính được thực hiện như sau:

- Trường hợp có đủ căn cứ và xét thấy cần thiết áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính đối với người đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì người có thẩm quyền phải ra ngay quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

- Trong trường hợp cần kéo dài thời gian tạm giữ thì trước khi hết hạn tạm giữ ghi trong quyết định, người có thẩm quyền tạm giữ ra quyết định kéo dài thời gian tạm giữ.

- Trường hợp chưa hết thời hạn ghi trong quyết định tạm giữ, nhưng căn cứ để tạm giữ người đã chấm dứt thì người ra quyết định tạm giữ phải ra quyết định chấm dứt ngay việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

- Khi có căn cứ cho rằng hành vi vi phạm pháp luật của người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính có dấu hiệu tội phạm thì người ra quyết định tạm giữ phải chuyển ngay hồ sơ và người bị tạm giữ kèm theo tang vật, phương tiện vi phạm (nếu có) cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.6. Nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Là nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính được bố trí tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi làm việc của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ người vi phạm theo thủ tục hành chính. Trường hợp không có nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính thì có thể tạm giữ tại phòng trực ban hoặc phòng khác nơi làm việc nhưng phải đảm bảo các quy định chung. Nghiêm cấm việc tạm giữ người vi phạm hành chính trong các phòng tạm giữ hình sự, phòng tạm giam hình sự hoặc những nơi không đảm bảo vệ sinh, an toàn cho người bị tạm giữ.

Nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính phải có khóa cửa, bảo đảm ánh sáng, thoáng mát, vệ sinh và an toàn về phòng cháy, chữa cháy, thuận tiện cho việc trông coi, bảo vệ.

Người bị tạm giữ qua đêm phải được bố trí giường hoặc sàn nằm và phải có chiếu, chăn, màn; chỗ nằm tối thiểu cho mỗi người là 02 mét vuông.

- Cơ quan có chức năng phòng, chống vi phạm pháp luật thường xuyên phải tạm giữ người phạm hành chính cần bố trí, thiết kế, xây dựng nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính riêng, trong đó cần có nơi tạm giữ riêng

cho người chưa thành niên, phụ nữ hoặc người nước ngoài và phải có cán bộ chuyên trách quản lý, bảo vệ.

2.7. Việc tiếp nhận người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính phải thực hiện các bước sau:

- Kiểm tra, đối chiếu quyết định tạm giữ với người bị tạm giữ;
- Kiểm tra tư trang, đồ vật của người bị tạm giữ được phép mang theo;
- Vào sổ theo dõi tạm giữ theo quy định;
- Phổ biến quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ và những quy định khác có liên quan để họ chấp hành.

Trong trường hợp người bị tạm giữ không tự giác chấp hành các quy định về tạm giữ thì áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật về phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi chống người thi hành công vụ để buộc họ phải chấp hành.

Việc quản lý người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính phải chặt chẽ nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối về tính mạng, sức khỏe cho những người này. Do đó, những người được giao nhiệm vụ quản lý người bị tạm giữ, bảo vệ nơi tạm giữ có trách nhiệm:

- Thường xuyên giám sát, bảo vệ, trông coi người bị tạm giữ, nếu thấy họ có biểu hiện tâm lý, sức khỏe không bình thường, cũng như phát hiện những tình tiết liên quan đến vụ việc vi phạm hoặc những vi phạm của người khác thì phải có trách nhiệm báo cáo ngay với người ra quyết định tạm giữ để có biện pháp xử lý kịp thời; trường hợp phát hiện người bị tạm giữ có hành vi cất giấu vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tang vật, phương tiện vi phạm thì phải lập biên bản về hành vi đó; nếu người bị tạm giữ có thương tích hoặc sức khỏe không bình thường thì phải lập biên bản về tình trạng sức khỏe của họ, đồng thời báo cáo ngay cho người ra quyết định tạm giữ để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tư trang, tài sản của người bị tạm giữ phải được ký gửi tại nơi tạm giữ. Việc giao, nhận tư trang, tài sản ký gửi phải được ghi đầy đủ, cụ thể vào sổ theo dõi tạm giữ và phải có chữ ký của người bị tạm giữ; trường hợp tư trang, tài sản ký gửi có số lượng nhiều thì phải lập biên bản giao nhận riêng, trong đó phải ghi đầy đủ, cụ thể về số lượng, chủng loại, ký hiệu, hình thức và tình trạng đồ vật cũng như vấn đề khác có liên quan. Biên bản phải lập thành 02 bản có chữ ký của người bị tạm giữ và người nhận giữ tài sản, 01 bản giao cho người bị tạm giữ, 01 bản lưu hồ sơ. Hết thời hạn tạm giữ hoặc chuyển đi nơi khác, người bị tạm giữ được nhận lại toàn bộ tài sản đã ký gửi, nếu người nhận giữ mà làm mất mát hoặc hư hỏng thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2.8. Việc giao nhận người có hành vi vi phạm hành chính giữa người có thẩm quyền tạm giữ với tổ chức, cá nhân dẫn giải người vi phạm đó đến phải được lập biên bản. Biên bản đó có nội dung sau:

- Giờ, phút, ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản;

- Tài sản của người có hành vi vi phạm, tên, chức vụ, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bên giao, bên nhận;

- Họ, tên, số Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác của người có hành vi vi phạm;

- Hành vi vi phạm;

- Thời gian, địa điểm thực hiện hành vi vi phạm;

- Tình trạng sức khỏe, thái độ của người có hành vi vi phạm;

- Tang vật, tài sản của người có hành vi vi phạm (nếu có);

- Những tình tiết khác liên quan đến việc giao, nhận người vi phạm;

- Trường hợp có người làm chứng, người bị thiệt hại thì phải ghi rõ nội dung sự việc mà họ được làm chứng, những thiệt hại do người có hành vi vi phạm gây ra.

- Họ, tên, địa chỉ của người làm chứng, người bị thiệt hại;

- Biên bản phải có chữ ký của bên giao, bên nhận và của người có hành vi vi phạm, người bị thiệt hại, người làm chứng (nếu có);

- Người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính ký tên vào biên bản giao, nhận người vi phạm;

Trường hợp người vi phạm, người bị thiệt hại, người làm chứng từ chối ký vào biên bản thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản này được lập làm 02 bản và phải đọc cho mọi người tham gia ký biên bản cùng nghe. Bên nhận, bên giao mỗi bên giữ 01 bản.

Ngay sau khi hành vi vi phạm hành chính bị phát hiện, ngăn chặn và lập biên bản vi phạm hành chính hoặc sau khi lập biên bản giao, nhận người có hành vi vi phạm hành chính, nếu xét thấy phải tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải ra quyết định tạm giữ; trường hợp không đủ căn cứ hoặc không cần thiết phải áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì phải trả tự do ngay cho người đó và trả lại toàn bộ phương tiện, tài sản, giấy tờ có liên quan (nếu có) cho họ nếu phương tiện, tài sản, giấy tờ này không thuộc diện bị áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2.9. Người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính có các quyền sau đây

- Được thông báo về việc bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính;

- Yêu cầu người ra quyết định tạm giữ thông báo cho gia đình, tổ chức nơi làm việc, học tập biết việc mình bị tạm giữ;

- Được biết lý do tạm giữ, thời hạn tạm giữ và địa điểm tạm giữ; khiếu nại về việc tạm giữ;

- Được bảo đảm tiêu chuẩn ăn uống theo quy định, chế độ ngày thường: 0,6 kg gạo tẻ thường, 01 kg thịt lợn loại thường, 05 kg rau xanh, 01 lít nước uống được đun sôi để nguội, nước mắm, muối, chất đốt phù hợp. Chế độ ngày Tết

Nguyên đán được tăng thêm nhưng không quá 5 lần ngày thường; ngày lễ hay Tết dương lịch được tăng thêm không quá 3 lần ngày thường.

- Được điều trị, chăm sóc y tế khi bị bệnh.

2.10. Người bị tạm giữ có các nghĩa vụ sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định tạm giữ, nội quy, quy định của nơi tạm giữ;

- Tuân thủ yêu cầu, mệnh lệnh của người ra quyết định tạm giữ và người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ nơi tạm giữ;

- Khai báo thành khẩn, đầy đủ những hành vi vi phạm pháp luật của mình và của người khác có liên quan mà mình biết được;

- Không được đưa vào nơi tạm giữ vũ khí vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, điện thoại di động, văn hóa phẩm độc hại, rượu bia và các chất gây nghiện khác hoặc các vật dụng có thể ảnh hưởng đến trật tự, an toàn nơi tạm giữ.

2.11. Đối với trường hợp người bị tạm giữ bị bệnh hoặc chết được xử lý như sau:

- Người đang bị tạm giữ bị bệnh thì được điều trị tại chỗ; trường hợp bệnh nặng hoặc phải cấp cứu thì cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ có trách nhiệm đưa họ đến cơ sở y tế và báo ngay cho gia đình, thân nhân của họ biết để chăm sóc. Trường hợp thân nhân, gia đình của họ có đơn đề nghị xin đưa về nhà để chăm sóc và xét thấy không thật sự cần thiết tạm giữ thì người có thẩm quyền tạm giữ có thể quyết định chấm dứt việc tạm giữ trước thời hạn và cho họ về gia đình để chăm sóc; trường hợp người bị tạm giữ không có nơi cư trú nhất định hoặc gia đình, thân nhân của họ ở xa không có điều kiện đến để chăm sóc thì cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ họ trực tiếp đảm nhiệm việc chăm sóc.

- Người bị tạm giữ chết trong thời gian đang bị tạm giữ thì người ra quyết định tạm giữ phải báo ngay cho cơ quan điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời thông báo cho gia đình, thân nhân của người chết biết; trường hợp người chết là người nước ngoài thì người ra quyết định tạm giữ phải báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền cấp trên biết để thông báo ngay cho Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của nước mà người chết có quốc tịch để phối hợp giải quyết. Gia đình người chết có trách nhiệm mai táng; trường hợp người chết không có gia đình thì việc mai táng do cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ phối hợp với chính quyền địa phương sở tại giải quyết mai táng, kinh phí mai táng trong trường hợp này do ngân sách nhà nước đảm nhiệm theo quy định hiện hành.

3. Biện pháp áp giải người vi phạm hành chính

3.1. Áp giải người vi phạm là một trong các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính. Biện pháp này được áp dụng khi người vi phạm

không tự nguyện chấp hành yêu cầu của người có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- Bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;
- Người đang chấp hành tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn, sau khi truy tìm được bị áp giải đưa trở lại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Người bị trục xuất không tự giác chấp hành quyết định xử phạt trục xuất hoặc có hành vi chống đối, bỏ trốn.

3.2. Những người có chức danh sau đây đang thi hành công vụ có thẩm quyền thực hiện việc áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính:

- Chiến sĩ Công an nhân dân;
- Chiến sĩ Bộ đội biên phòng;
- Cảnh sát viên Cảnh sát biển;
- Công chức Hải quan;
- Kiểm lâm viên;
- Công chức Thuế;
- Kiểm soát viên thị trường;
- Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;
- Chấp hành viên thi hành án dân sự.

3.3. Áp giải người vi phạm được thực hiện theo thủ tục sau đây:

- Trước khi áp giải người có thẩm quyền đang thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ áp giải giải thích cho người bị áp giải về quyền và nghĩa vụ của họ trong quá trình bị áp giải theo quy định của pháp luật, giải đáp những thắc mắc của họ.

- Trong khi áp giải phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người có thẩm quyền đang thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ áp giải, người bị áp giải.

- Trường hợp người bị áp giải có dấu hiệu bỏ trốn hoặc có hành vi chống người thi hành công vụ, người đang thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ áp giải phải báo cáo ngay người có thẩm quyền để ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính đối với người đó.

- Việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ khi áp dụng biện pháp áp giải phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Người thực hiện nhiệm vụ áp giải phải giám sát, quản lý chặt chẽ người bị áp giải, cảnh giác, chủ động, kịp thời xử lý những tình huống phức tạp có thể xảy ra; không được tùy tiện giải quyết các yêu cầu của người bị áp giải trong khi đang tiến hành áp giải.

- Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ áp giải khi giao nhận người bị áp giải phải tiến hành lập biên bản giao, nhận người bị áp giải với cơ quan tiếp nhận người bị áp giải.

- Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ khi đến địa điểm thực hiện nhiệm vụ áp giải phải mời đại diện chính quyền địa phương nơi người bị áp giải cư trú hoặc đang bị quản lý, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị áp giải làm việc, học tập và người chứng kiến.

- Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ áp giải tiến hành kiểm tra, đối chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân, xác định đúng người bị áp giải theo thủ tục hành chính và lập biên bản.

Biên bản áp giải người vi phạm gồm những nội dung sau đây:

- Giờ, phút, ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản;
- Họ, tên, chức vụ, địa điểm của cá nhân, tổ chức bên giao, bên nhận;
- Họ, tên, địa chỉ, số Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác của người có hành vi vi phạm bị áp giải;
- Hành vi vi phạm;
- Thời gian, địa điểm thực hiện hành vi vi phạm;
- Tình trạng sức khỏe, thái độ của người có hành vi vi phạm;
- Tang vật, tài sản của người có hành vi vi phạm (nếu có);
- Những tình tiết khác có liên quan đến việc áp giải người vi phạm;
- Họ tên của người làm chứng (nếu có);
- Chữ ký của bên giao, bên nhận áp giải và của người bị áp giải, người làm chứng (nếu có); trường hợp người bị áp giải, người làm chứng từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản;
- Biên bản được lập thành 02 bản và đọc cho mọi người tham gia ký biên bản cùng nghe. Bên giao, bên nhận người bị áp giải mỗi bên 01 bản.

4. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính

4.1. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây:

- Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt. Trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt.
- Để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội;
- Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện trong các trường hợp trên phải được chấm dứt ngay sau khi xác minh được tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt, hành vi vi phạm không còn gây nguy hiểm cho xã hội hoặc quyết định xử phạt được thi hành.

4.2. Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật

XLVPHC thì có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy thì thủ trưởng trực tiếp của chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên, công chức hải quan, kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ phải tạm giữ ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề là 07 ngày, kể từ ngày tạm giữ. Thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài đối với những vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, cần tiến hành xác minh nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm giữ tang vật, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC mà cần có thêm thời gian để xác minh thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn việc tạm giữ; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được tính từ thời điểm tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ thực tế.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không vượt quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4.3. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính phải được lập biên bản. Nội dung biên bản gồm:

- Tên, số lượng, chủng loại của tang vật, phương tiện bị tạm giữ;
- Nơi giữ, bảo quản phương tiện;
- Tình trạng của tang vật, phương tiện bị tạm giữ;
- Chữ ký của người ra quyết định tạm giữ, tổ chức, cá nhân vi phạm.

Trường hợp không xác định được người vi phạm, người vi phạm vắng mặt hoặc không ký thì phải có chữ ký của 02 người làm chứng.

Biên bản phải được lập thành 02 bản, người có thẩm quyền tạm giữ giữ 01 bản, người vi phạm giữ 01 bản.

4.4. Tang vật vi phạm là hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng phải được xử lý kịp thời. Hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng bao gồm:

- Thực phẩm tươi sống, dễ ôi thiu, khó bảo quản.
- Hàng hóa dễ cháy nổ;
- Thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật mà hạn sử dụng còn dưới 60 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng.

- Thực phẩm đã qua chế biến và các loại hàng hóa khác mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng.

- Hàng hóa có tính chất thời vụ, hàng điện tử cao cấp và các loại hàng hóa, vật phẩm khác nếu không xử lý ngay sau khi có quyết định tạm giữ hoặc quyết định tịch thu sẽ bị hư hỏng, không bán được hoặc hết thời hạn sử dụng.

Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản.

Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó, theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật đó bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật đó không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quá thời hạn tạm giữ nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng hoặc trường hợp không xác định được người vi phạm thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền tạm giữ; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo, niêm yết công khai, nếu người vi phạm không đến nhận thì người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xử lý theo quy định tại Điều 82 của Luật XLVPHC.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hoá phẩm độc hại thì phải tiến hành tiêu hủy.

Đối với các chất ma túy và những vật thuộc loại cấm lưu hành thì tịch thu hoặc tiêu hủy.

5. Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật, nơi cất giấu tang vật phương tiện theo thủ tục hành chính

5.1. Việc khám người theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng người đó cất giấu trong người đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

Những người sau đây có thẩm quyền khám người theo thủ tục hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an phường;

- Trưởng Công an cấp huyện;

- Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh của Công an cấp tỉnh; Trưởng phòng Cảnh sát thi

hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;

- Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, Trạm trưởng Trạm công an cửa khẩu;

- Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, Đội trưởng Đội kiểm lâm cơ động;

- Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng Cục hải quan;

- Đội trưởng Đội quản lý thị trường;

- Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng, Chỉ huy trưởng Hải đội biên phòng, Trưởng đồn biên phòng và Thủ trưởng đơn vị bộ đội biên phòng đóng ở biên giới, hải đảo;

- Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển;

- Người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa đã rời sân bay, bến cảng, nhà ga;

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy, thì ngoài những người nêu trên những người sau đây có thẩm quyền khám người được khám người theo thủ tục hành chính và báo cáo ngay bằng văn bản cho thủ trưởng của mình:

- Chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển;

- Chiến sĩ bộ đội biên phòng;

- Kiểm lâm viên;

- Công chức hải quan;

- Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ.

Khi khám người, người khám phải thông báo quyết định cho người bị khám biết; khi khám thì nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người chứng kiến; mọi trường hợp khám người đều phải lập biên bản. Quyết định khám người, biên bản khám người phải giao cho người bị khám 01 bản.

5.2. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất dấu tang vật vi phạm hành chính.

Những người có thẩm quyền khám người theo thủ tục hành chính thì có thẩm quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.

Sau khi khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính những người có thẩm quyền khám nhưng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì phải báo cáo ngay với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành

chính là thủ trưởng trực tiếp của mình và phải chịu trách nhiệm về việc khám đó.

Khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải và 01 người chứng kiến; trong trường hợp chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến.

Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính đều phải lập biên bản. Quyết định khám và biên bản khám phải giao cho chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.

5.3. Việc khám nơi cất dấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng nơi đó có cất dấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Những người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì có quyền khám nơi cất dấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; trường hợp nơi cất dấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chỗ ở thì Chủ tịch UBND cấp huyện là người có thẩm quyền quyết định khám nơi cất dấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Khi khám nơi cất dấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần lưu ý:

- Phải có mặt người chủ nơi bị khám hoặc người thành niên trong gia đình họ và người chứng kiến.

Trong trường hợp người chủ nơi bị khám, người thành niên trong gia đình họ vắng mặt mà việc khám không thể trì hoãn thì phải có đại diện chính quyền và 02 người chứng kiến.

- Không được khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc khám đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

- Mọi trường hợp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản và phải lập biên bản. Quyết định và biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải được giao cho người chủ nơi bị khám 01 bản.

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	2
Chương I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH	3
1. Vi phạm hành chính	3
2. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định	3
3. Căn cứ xử phạt vi phạm hành chính	4
4. Thời hiệu, thời điểm để tính thời hiệu xử lý vi phạm hành chính	5
5. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng khi áp dụng quyết định xử phạt hành chính	6
6. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính	7
7. Những hành vi bị nghiêm cấm trong xử phạt vi phạm hành chính	7
8. Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và UBND các cấp	8
Chương II: XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH	
1. Hình thức, nguyên tắc áp dụng, thẩm quyền, mức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả	9
2. Thủ tục xử phạt, quyết định xử phạt và thi hành quyết định xử phạt	29
Chương III. ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	
1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn	49
2. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng	52
3. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	56
4. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc	59
5. Chuyển hồ sơ của đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự	63
6. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử	64

	lý hành chính	
7.	Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc	64
	Chương IV. CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH	
1.	Những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính	65
2.	Biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính	66
3.	Biện pháp áp giải người vi phạm hành chính	72
4.	Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính	74
5.	Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật, nơi cất dấu tang vật phương tiện theo thủ tục hành chính	76

Chịu trách nhiệm xuất bản

ĐẶNG VĂN NGUYỄN

Giám đốc Sở Tư pháp

Chịu trách nhiệm nội dung

ĐỖ THỊ VIỆT HÀ

Phó Giám đốc Sở Tư pháp

Biên soạn

NGÔ BẮC TIẾN

*Trưởng phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và
Theo dõi thi hành pháp luật*

(In 500 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5 cm tại

In xong và nộp lưu chiểu quý năm 2018).